

Bản án số: 251/2021/DS-PT

Ngày: 12 -5-2021

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLPT-DS ngày 11/01/2021 về việc: “*tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2021/QĐPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trương Văn M, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông Trương Văn H, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Cư trú: Vic 3037, Australia.

3. Bà Trương Thị B, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Địa chỉ:, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Trương Thị T, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ:, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà B, bà T: Ông Trương Văn M; Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M: Ông Phan Khánh D – Là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1945 (Vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ:, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Hoàng S (xin vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Kim H (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tỉnh Cà Mau.

3. Ông Dương Việt H1, sinh năm 1965 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: , tỉnh Cà Mau

4. Ông Dương Văn H2, sinh năm 1968 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

5. Bà Dương H1 N1, sinh năm 1972 (vắng mặt)

6. Ông Dương Văn C, sinh năm 1973(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: , tỉnh Cà Mau

7. Bà Dương H1 Y, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ:, tỉnh Cà Mau

8. Bà Dương H1 Ti, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

Địa chỉ:, tỉnh Cà Mau

9. Bà Nguyễn Thị L (xin vắng mặt)

Địa chỉ:, tỉnh Cà Mau.

10. Ủy ban Nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

Đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Thới Bình: Ông Lê Chí T, chức vụ Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thới Bình (xin vắng mặt)

Địa chỉ:, tỉnh Cà Mau.

11. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội

Đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam: Ông Cao Minh Tuấn, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Trí Phú Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thới Bình (xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trương Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo ông Trương Văn M trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ ông (cụ Trương Văn Phường và cụ Võ Thị Ba) tạo lập khoảng từ năm 1959 – 1960, phần đất diện tích 35 công tầm lớn, tọa lạc tại ấp Nhà Máy B, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Mẹ ông chết năm 1964, cha ông chết năm 1973 không để lại di chúc. Thời điểm đó các anh chị em ông đều tham gia cách mạng, còn ông thì đi bộ đội ở xa nên phần đất trên do ông Trương Văn H là em út của ông quản lý sử dụng.

Đến năm 1981, ông Trương Văn H vượt biên ra nước ngoài, để lại phần đất nêu trên nhưng anh chị em ông chưa kịp về để quản lý phần đất thì lúc này Nhà nước tạm quản lý đưa vào Tập đoàn sản xuất. Sau đó đã lấy phần đất này tạm giao cho 08 hộ dân, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị Điều, vì cho rằng các hộ này không có đất nên tạm giao để họ sản xuất ổn định cuộc sống thời điểm đó.

Năm 1985, khi giải thể Tập đoàn Nhà nước có chủ trương đất ai trả về cho người đó. Ông về yêu cầu Ủy ban Nhân dân xã Tân Phú xin lại phần đất này, Ủy ban xã Tân Phú trả lại cho gia đình ông 16 công tầm lớn và đã được Ủy ban Nhân dân huyện Thới Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/2004 đứng tên Trương Văn M và Đặng Thị Hương với diện tích 21.307m², thuộc tờ bản đồ số 19, thửa 269 và thửa 248 tọa lạc tại ấp Nhà Máy B, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Phần đất còn lại khoảng 19,5 công tầm lớn gia đình ông chưa được Nhà nước giao trả lại do hiện tại phần đất này Nhà nước tạm giao cho 08 hộ dân quản lý, sử dụng gồm các hộ tên: Bà Nguyễn Thị Điều, bà Lâm Bạch My, ông Lương Văn Chạy, ông Lê Văn Hải, bà H1 Thị Dương, bà Trần H1 Gương, bà Dương Thị Cúc, bà Trần Thị Cẩm.

Năm 1996, ông tiếp tục làm đơn yêu cầu giải quyết trả lại phần đất 19,5 công tầm lớn nêu trên thì được Ủy ban Nhân dân xã Tân Phú mời 08 hộ dân đến để hòa giải nhưng chỉ có 04 hộ đồng ý giao trả lại đất cho gia đình ông với điều kiện khi

nào Nhà nước có văn bản thu hồi thì họ mới giao trả. Thời điểm này chỉ có hộ ông Nguyễn Tấn Hùng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại 07 hộ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2017 tiếp tục yêu cầu đến Ủy ban Nhân dân xã Tân Phú giải quyết vụ việc tranh chấp thì Ủy ban có tổ chức hòa giải 02 lần nhưng không thành. Nay ông và anh chị em ông yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Điều trả lại cho anh chị em ông phần đất diện tích 05 công tầm lớn, theo kết quả đo đạc thực tế diện tích là 6.787,5m² đất tọa lạc tại ấp Nhà Máy B, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, yêu cầu Ủy ban Nhân dân huyện Thới Bình có trách nhiệm thu hồi lại phần đất đã tạm cấp cho bà Đ.

- Bà Nguyễn Thị Điều trình bày: Vào năm 1986 Ủy ban Nhân dân huyện Thới Bình cấp cho bà Đ 05 công đất tọa lạc tại ấp Nhà Máy B, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và bà đã được cấp Quyền sử dụng đất. Bà Điều và chồng bà là ông Dương Văn Ngân canh tác đến năm 2009 ông Ngân bệnh, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà Đ cố 05 công đất cho ông Nguyễn Hoàng S địa chỉ ấp Trờì Mộc, xã Tân Phú, huyện Thới Bình Cà Mau, thời hạn chuộc 03 năm, đồng thời bà có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện Thới Bình vay số tiền 95.000.000 đồng.

Bà Điều thống nhất với kết quả đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ Quan trắc Tài nguyên Môi trường tỉnh Cà Mau và Kết quả định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 103/2019/CT ngày 04/11/2019 của Công ty TNHH kiểm toán và định giá Thăng Long – TDK

Nay ông M khởi kiện đòi lại đất bà Đ đồng ý trả lại theo yêu cầu của ông M nhưng ông M phải trả tiền vay Ngân hàng và chuộc lại đất từ ông S.

- Theo đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Ngân hàng) trình bày:

Theo hồ sơ vay ngày 07/7/2020, bà Nguyễn Thị Điều vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thới Bình số tiền 95.000.000 đồng; mục đích vay để nuôi cá, trồng lúa; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 05/7/2022. Bà Điều dùng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân huyện Thới Bình cấp ngày 26/6/2002 với diện tích đất 6.500m² do bà Nguyễn Thị Điều và ông Dương Văn Ngân đứng tên để làm tài sản tín chấp. Tổng cộng tiền gốc 95.000.000 đồng và lãi là 234.247 đồng. Ngân hàng yêu cầu buộc hộ bà Đ thanh toán nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký, nếu không thanh toán

yêu cầu xử lý theo pháp luật hiện hành.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng S và bà Nguyễn Kim H trình bày:

Ngày 29/3/2009 (AL), vợ chồng ông S bà H có thỏa thuận cố phần đất của bà Đ để nuôi trồng thủy sản, diện tích 05 công, đất tọa lạc tại ấp Nhà Máy B, xã Tân Phú, huyện Thới Bình (phần đất hiện nay tranh chấp). Hai bên thỏa thuận giá cố đất là 25 chỉ vàng 24k, thời hạn cố đất là 03 năm, khi nào bà Đ giao trả lại cho vợ chồng ông 25 chỉ vàng 24k thì ông giao trả lại đất cho bà Đ. Sau khi cố đất vợ chồng ông cho bà Nguyễn Thị Luận thuê lại để nuôi trồng thủy sản.

Trong vụ án này ông không có yêu cầu gì; trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Đ giao phần đất cho ông M thì ông sẽ thương lượng với bà Đ hoặc khởi kiện bà Đ thành vụ án khác.

- Theo bà Nguyễn Thị Luận trình bày:

Cách nay khoảng 05 năm, vợ chồng bà có thỏa thuận với vợ chồng ông Nguyễn Hoàng S, vợ chồng ông S có cho bà thuê phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 05 công, tọa lạc tại ấp Nhà Máy B, xã Tân Phú, huyện Thới Bình (phần đất hiện nay tranh chấp). Hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm hợp đồng; thỏa thuận giá thuê mỗi năm bằng 6.000.000 đồng, tiền thuê đất trả vào đầu vụ. Trong vụ án này bà không có yêu cầu gì; trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà giao đất thì bà đồng ý giao lại đất cho ông S, bà không có yêu cầu gì đối với gia đình bà Đ, ông M và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt đối với bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 36, Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, Điều 26, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M, ông Trương Văn H, bà Trương Thị B và bà Trương Thị T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Điều trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 6.787,5m², đất tọa lạc tại ấp Nhà Máy B, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo Bản trích đo hiện trạng ngày 23/8/2019 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau).

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam yêu cầu bà Đ thanh toán tổng số tiền gốc và lãi là 95.234.247 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn không kháng cáo. Ngày 15-10-2020 nguyên đơn ông Trương Văn M có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đ phải trả lại diện tích đất 6.787,5m², ông đồng ý hỗ trợ cho bà Đ 95.000.000 đồng để bà Đ trả nợ Ngân hàng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Điều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó phía nguyên đơn, luật sư và đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị tiếp tục xét xử.

Nguyên đơn ông Trương Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên, không cung cấp chứng cứ gì mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về nguồn gốc đất là do cha mẹ ông M để lại không có di chúc, đây là di sản thừa kế và ông H là người đại diện cho các anh em quản lý. Công văn số 39 cho rằng ông H đã bỏ hoang đất nhưng thực tế không có bản chính của Công văn số 39, chỉ có bản phô tô nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính pháp lý của công văn này. Quá trình ông M đi đòi lại đất thì Nhà nước đã xem xét trả lại hơn 19 công tầm lớn, như vậy có căn cứ xác định đây là đất của cha mẹ ông M để lại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc Nhà nước chỉ tạm giao đất cho bà Đ sử dụng mà không có quyết định cấp. Hiện nay bà Đ cũng đồng ý trả đất nhưng đưa ra điều kiện đòi trả giá trị đất quá cao. Từ những căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà Đ phải trả lại đất cho ông M và ông đồng ý trả giá trị đất là 95.000.000 đồng để bà Đ trả tiền đã vay Ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố

tụng Dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay có đủ cơ sở kết luận mặc dù nguồn gốc đất là của cha mẹ ông M để lại và do ông H quản lý nhưng ông H bỏ hoang đất nên Nhà nước quản lý và đưa vào tập đoàn, giao cho các hộ quản lý, sử dụng trong đó có hộ của bà Đ. Hiện nay bà Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Văn M đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định, nên kháng cáo của ông M được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Bà Điều có văn bản xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều công nhận diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là thửa có diện tích là 6.787,5m², đất tọa lạc tại ấp Nhà Máy B, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ đứng tên. Các đương sự thống nhất kết quả đo đạc, định giá như án sơ thẩm, không thắc mắc, khiếu nại.

[3] Xét nguồn gốc diện tích đất 6.787,5m² kể trên là do cha mẹ các nguyên đơn tạo lập. Khi cha mẹ các nguyên đơn chết, phần đất giao lại cho ông H (là em của ông M) quản lý sử dụng, diện tích khoảng 35 công tầm lớn. Đến năm 1978, ông H vượt biên ra nước ngoài bỏ lại đất; từ năm 1978 Nhà nước quản lý đất và đến năm 1986 Nhà nước cấp cho 08 hộ dân không có đất sản xuất, trong đó có hộ bà Đ được cấp diện tích 05 công tầm lớn. Bà Điều đã được Ủy ban Nhân dân huyện Thới Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/6/2002. Như vậy, việc gia đình bà Đ sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do được nhà nước giao đất, không phải lấn chiếm đất của gia đình ông M. Vì vậy, căn cứ theo quy định của pháp luật đất đai qua các thời kỳ *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực*

hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo của ông M và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 99, Điều 100, 166, 170, Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Văn M và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án Nhân dân tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn M, ông Trương Văn H, bà Trương Thị về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Diện trả lại thửa 677, diện tích thực đo 2.458m², tờ bản đồ số 6, loại đất trồng cây hàng năm khác và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 677, diện tích đo đạc thực tế 2.458m², tờ bản đồ số 6, loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc ấp Phú Long, xã Tân Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban Nhân dân huyện Tam Bình cấp cho ông Nguyễn Văn Diện

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Kim Em.

Hủy một phần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 675, diện tích đo đạc thực tế là 7.164,6m², tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, tọa lạc ấp Phú Long, xã Tân Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban Nhân dân huyện Tam Bình cấp cho ông Nguyễn Văn Diệm ngày 30/12/1999.

Công nhận thửa 675, diện tích đo đạc thực tế là 7.164,6m², tờ bản đồ số 6, loại đất lúa, tọa lạc ấp Phú Long, xã Tân Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị Kim Em.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính ngày 06/3/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long).

Đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Diệm.

4. Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tổng cộng là 5.705.000 đồng. Nguyên đơn Lê Thị Kim Em phải chịu chi phí khảo sát, đo đạc, định giá là 1.460.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng), ông Diệm phải chịu 4.245.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Do bà Em đã nộp tạm ứng trước nên được ông Diệm phải nộp 4.245.000 đồng (Bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) để trả cho bà Em.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc: Ông Trương Văn M, ông Trương Văn H, bà Trương Thị B và bà Trương Thị T phải chịu số tiền 5.946.000 đồng (ông M đã nộp xong).

Chi phí định giá: Ông Trương Văn M, ông Trương Văn H, bà Trương Thị B và bà Trương Thị T phải chịu số tiền 4.600.000 đồng (ông M đã nộp xong).

Ông Trương Văn M, ông Trương Văn H, bà Trương Thị B và bà Trương Thị T được miễn chịu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (phần quyết định không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, phần phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam phải

chịu) không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Tòa án Nhân dân tối cao;
- VKS Nhân dân cấp cao tại Tp.HCM ;
- Tòa án Nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh